

Số: /2021/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân công, phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số: 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 quy định sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế; 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Công văn số 3425/SYT-NVY ngày 13/8/2021 về việc tiếp thu hoàn chỉnh dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ

sung một số điều của Quy định phân công, phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân công, phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa như sau:

1. Bổ sung Điều c vào Khoản 1, Điều 3 như sau:

“c) Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đồng thời tại cùng địa điểm có sản xuất hoặc kinh doanh sản phẩm thực phẩm do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương quản lý có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều a, Khoản 2, Điều 3 như sau:

“a) Cơ sở sản xuất dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng, tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (trừ những dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng, tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương được sản xuất trong cùng một cơ sở và chỉ để dùng cho các sản phẩm thực phẩm của cơ sở đó) có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Cơ sở có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Y tế.”

3. Bổ sung Khoản 5 vào Điều 3 như sau:

“5. Khi phát hiện sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của ngành khác vi phạm và có nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng, Sở Y tế chủ trì phối hợp với các ngành quản lý thực hiện việc thanh tra, kiểm tra và kết luận.”

4. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 4 như sau:

“2. Quản lý về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định gồm các cơ sở sau:

a) Cảng cá.

b) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét.

c) Cơ sở có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC

22000) hoặc tương đương còn hiệu lực thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.”

5. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 5 như sau:

“3. Tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm đối với các sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý; đăng tải tên tổ chức, cá nhân và tên các sản phẩm tự công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận. Tiếp nhận bản sao các loại Giấy chứng nhận còn hiệu lực (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm) theo quy định tại Điều k, Khoản 1, Điều 12, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ của các cơ sở có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Công Thương.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quản lý, cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sau:

a) Cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm theo Phụ lục 2, 3 kèm theo Quy định này có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do UBND cấp huyện cấp.

b) Cơ sở giết mổ động vật tập trung có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do UBND huyện cấp.

c) Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do UBND cấp huyện cấp có quy mô dưới 200 suất ăn/lần phục vụ.

2. Quản lý về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do UBND huyện cấp, gồm các cơ sở sau:

a) Cơ sở kinh doanh sản phẩm/nhóm thực phẩm được quy định tại Phụ lục 1, 2, 3 kèm theo Quy định này.

b) Bếp ăn tập thể không có đăng ký ngành nghề kinh doanh thực phẩm có quy mô từ 50 suất ăn đến dưới 200 suất ăn/lần phục vụ.

c) Chợ hạng 2.

3. Quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm/nhóm sản phẩm thuộc Phụ lục 2, 3 kèm theo Quy định này đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực; tiếp nhận bản sao các loại Giấy chứng nhận trên còn hiệu lực (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm) của các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm/nhóm sản phẩm thuộc Phụ lục 3 kèm theo Quy định này có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do UBND huyện cấp.

4. Quản lý về an toàn thực phẩm đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 mét đến dưới 12 mét.

5. Thực hiện các nhiệm vụ về quản lý an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành của pháp luật.”

7. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 7 như sau:

“2. Quản lý về an toàn thực phẩm đối với cơ sở giết mổ động vật nhỏ lẻ; bữa cỗ có từ 30 người ăn trở lên, bếp ăn tình thương, bữa ăn tình thương, các Lễ hội được tổ chức trên địa bàn.”

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều của Quy định phân công, phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hoá như sau:

1. Bổ sung cụm từ “hương liệu” sau cụm từ “Phụ gia” tại số thứ tự thứ 4 Phụ lục 1 kèm theo Quy định này.

2. Thay thế dấu chấm phẩy “;” bằng dấu “,” tại Điểm b, Khoản 1, Điều 5.

3. Bỏ cụm từ “kinh doanh” tại Điểm a, Khoản 1, Điều 3; bỏ cụm từ “của Bộ Y tế” tại Khoản 3, Điều 3; bỏ cụm từ “của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” tại Khoản 3, Điều 4.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2021.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có những vấn đề mới phát sinh cần phải sửa đổi, bổ sung, các sở, ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã phản ánh kịp thời về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Văn phòng Chính phủ (đề b/c);
- Ban Chỉ đạo liên ngành TW về ATTP (đề b/c);
- Các bộ: Y tế, NN & PTNT, Công Thương (đề b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (đề b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (đề b/c);
- Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng điều phối về VSATTP tỉnh;
- Báo Thanh Hóa, Đài PTTH tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- Website Chính phủ, Công báo;
- Lưu: VT, NN. (527.2021)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng